

Số: /TB-UBND

Hung Đạo, ngày tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công khai danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực chứng thực thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 111/QĐ-TTPVHCC ngày 26/01/2026 của Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã.

UBND xã Hưng Đạo thông báo niêm yết công khai 13 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã. Trong đó:

1. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung: 12 TTHC.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Thủ tục hành chính được bãi bỏ: 01 TTHC.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

UBND xã thông báo đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy xã (để b/c);
- Thường trực HĐND xã (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã (để b/c);
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc xã;
- Lưu: VT, VP.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Hồng Sơn

Phụ lục I
Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực chứng thực
thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã
(Kèm theo Thông báo số /TB- UBND ngày /04/2026 của UBND xã Hưng Đạo)

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố	Lĩnh vực	Đối tượng	Cơ quan thực hiện
1	2.000908.000.00.00. H26	Cấp bản sao từ sổ gốc	111/QĐ- TTPVHCC ngày 26/01/2026	Chứng thực	Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã, Cơ quan khác
2	2.000815.000.00.00. H26	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	111/QĐ- TTPVHCC ngày 26/01/2026	Chứng thực	Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã	Cấp Xã, Cơ quan khác
3	2.000913.000.00.00. H26	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	111/QĐ- TTPVHCC ngày 26/01/2026	Chứng thực	Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Cấp Xã, Cơ quan khác
4	2.001008.000.00.00. H26	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	111/QĐ- TTPVHCC ngày 26/01/2026	Chứng thực	Công dân Việt Nam	Cấp Xã, Cơ quan khác

5	2.001406.000.00.00. H26	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	111/QĐ- TTPVHCC ngày 26/01/2026	Chứng thực	Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Cấp Xã
6	2.001035.000.00.00. H26	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	111/QĐ- TTPVHCC ngày 26/01/2026	Chứng thực	Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Cấp xã
7	2.001019.000.00.00. H26	Chứng thực di chúc	111/QĐ- TTPVHCC ngày 26/01/2026	Chứng thực	Công dân Việt Nam	Cấp xã
8	2.000884.000.00.00. H26	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	111/QĐ- TTPVHCC ngày 26/01/2026	Chứng thực	Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã	Cấp Xã, Cơ quan khác
9	2.001016.000.00.00. H26	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	111/QĐ- TTPVHCC ngày 26/01/2026	Chứng thực	Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Cấp xã

10	2.000942.000.00.00. H26	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	111/QĐ- TTPVHCC ngày 26/01/2026	Chứng thực	Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Cấp xã
11	2.000927.000.00.00. H26	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	111/QĐ- TTPVHCC ngày 26/01/2026	Chứng thực	Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Cấp xã
12	2.000992.000.00.00. H26	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng.	111/QĐ- TTPVHCC ngày 26/01/2026	Chứng thực	Công dân Việt Nam	Cấp Xã, Cơ quan khác

Phụ lục II

**Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ lĩnh vực chứng thực
thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã**

(Kèm theo Thông báo số /TB- UBND ngày /04/2026 của UBND xã Hưng Đạo)

TT	Tên TTHC	Quyết định công bố	Lĩnh vực	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Cơ quan thực hiện
1	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Quyết định số 1035/QĐTTPVHCC ngày 08/7/2025 Trung tâm PVHCC Về việc phê duyệt quy trình nội bộ - quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực chứng thực thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Chứng thực	Nghị định số 280/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP	UBND Cấp xã